

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1-4
2. Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	5
3. Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	6-7
4. Thuyết minh Báo cáo Tài chính	8-31

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		01/04/2015	
A-Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		264.057.837.511		105.138.860.926	
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	31.500.070.285		4.953.554.593	
1. Tiền	111		31.500.070.285		4.953.554.593	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-		-	
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	224.000.000		224.000.000	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-		-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-		-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		224.000.000		224.000.000	
III- Các khoản phải thu	130		144.500.294.470		86.365.686.052	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	111.972.513.546		61.517.748.864	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	22.618.235.789		12.497.816.008	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-		-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	7.709.888.587		5.504.104.587	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.08	42.239.368.385		47.875.051.011	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(40.039.711.837)		(41.029.034.418)	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-		-	
IV- Hàng tồn kho	140	V.06	87.657.920.773		12.788.279.921	
1. Hàng tồn kho	141		88.302.313.183		13.432.672.331	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(644.392.410)		(644.392.410)	
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		175.551.983		807.340.360	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	143.690.812		221.039.421	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-		-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	31.861.171		586.300.939	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-		-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-		-	

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	01/04/2015
B-Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		146.221.430.325	144.880.654.972
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II- Tài sản cố định	220		68.276.624.394	70.720.484.505
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	48.223.487.113	50.091.597.847
- Nguyên giá	222		64.427.616.540	63.622.050.736
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.204.129.427)	(13.530.452.889)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20.053.137.281	20.628.886.658
- Nguyên giá	228		24.251.431.371	24.251.431.371
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.198.294.090)	(3.622.544.713)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		76.118.912.275	72.170.885.386
1. Đầu tư tư vào công ty con	251	V.02	113.142.912.275	109.194.885.386
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252	V.02	2.310.000.000	2.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02	3.000.000.000	4.800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.02	(42.334.000.000)	(44.134.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.825.893.656	1.989.285.081
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1.825.893.656	1.989.285.081
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		410.279.267.836	250.019.515.898



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	
			31/12/2015	01/04/2015
A-Nợ phải trả (300=310+330)	300		236.828.070.690	99.482.520.362
I- Nợ ngắn hạn	310		217.067.106.571	91.159.541.247
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	77.997.673.866	37.707.276.651
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	24.324.421.741	20.976.638.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.357.774.453	869.774.226
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2.995.131.167	4.232.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	17.602.943.192	6.793.107.678
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	11.413.841.845	3.762.352.862
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	75.976.262.624	13.830.792.228
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.441.417.646	952.062.635
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.957.640.037	2.035.536.679
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II- Nợ dài hạn	330		19.760.964.119	8.322.979.115
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	2.186.587.435	2.518.377.865
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	12.162.500.000	5.687.500.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	5.411.876.684	117.101.250
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2015	01/04/2015
B-Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400	V.20	173.451.197.146	150.536.995.536
I- Vốn chủ sở hữu	410		173.451.197.146	150.536.995.536
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		153.249.760.000	127.711.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		153.249.760.000	127.711.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(15.680.000)	(15.680.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	593.774.747
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.217.117.146	22.246.950.789
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.687.715.536	19.415.096.112
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.529.401.610	2.831.854.677
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II- Nguồn Kinh Phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		410.279.267.836	250.019.515.898

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 27 tháng 01 năm 2016

Tổng giám đốc



Lâm Thiệu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01/10/2015 đến 31/12/2015

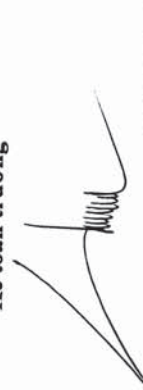
Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2015 đến 31/12/2015		Lũy kế từ 01/04/2015 đến 31/12/2015		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.136.291.429	24.240.412.908	192.238.460.059	39.017.130.060	
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.136.291.429	24.240.412.908	192.238.460.059	39.017.130.060	
11	Giá vốn hàng bán	103.169.674.899	19.863.839.982	151.541.692.829	32.954.164.006	
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.966.616.530	4.376.572.926	40.696.767.230	6.062.966.054	
21	Doanh thu hoạt động tài chính	209.436.879	9.510.135	5.440.587.896	6.516.819.417	
22	Chi phí tài chính	1.528.361.669	483.708.154	3.740.817.293	2.348.101.324	
23	- Trong đó: Lãi vay phải trả	1.425.533.509	471.606.828	3.017.003.830	2.334.774.998	
24	Chi phí bán hàng	5.704.146.400	766.930.592	14.171.289.086	869.562.674	
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.700.320.791	3.530.492.615	6.933.462.424	8.048.112.440	
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	13.243.224.549	(395.048.300)	21.291.786.323	1.314.009.033	
31	Thu nhập khác	20.005	264.818.502	45.724.133	462.586.283	
32	Chi phí khác	18.128.475	192.480.523	18.136.504	213.589.716	
40	Lợi nhuận khác (40=31-32)	(18.108.470)	72.337.979	27.587.629	248.996.567	
50	Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	13.225.116.079	(322.710.321)	21.319.373.952	1.563.005.600	
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.895.800.000	-	4.193.972.342	-	
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	10.329.316.079	(322.710.321)	17.125.401.610	1.563.005.600	

Người lập biểu

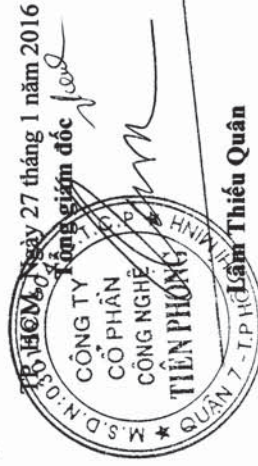


Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

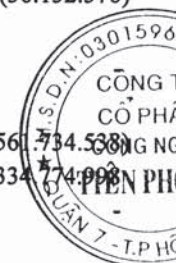
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2015 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/04/2015 đến 31/12/2015	01/04/2014 đến 31/12/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.319.373.952	1.563.005.600
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.448.029.202	3.471.469.065
- Các khoản dự phòng	03		5.900.124.479	(36.132.576)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.116.448.661)	(6.561.734.538)
- Chi phí lãi vay	06		3.017.003.830	2.334.774.998
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.568.082.802	771.382.549
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.569.085.417)	(1.222.702.216)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(74.869.640.852)	(2.514.413.954)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		58.766.990.660	24.747.996.338
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		240.740.034	184.285.545
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.331.382.163)	(2.231.845.476)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(743.732.574)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		383.748.642	1.826.942.292
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.057.645.284)	(393.786.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53.611.924.152)	21.167.858.346
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.004.169.091)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.809.091	259.526.445
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.529.030.500
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.528.122.401)	(1.576.648.655)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4.745.080.000	2.158.848.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.937.571.849	7.210.505.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.153.169.448	12.581.262.180



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2015 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Từ ngày 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ ngày 01/04/2014 đến 31/12/2014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		6.384.800.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		83.459.076.153	14.780.767.784
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.838.605.757)	(43.160.082.847)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		75.005.270.396	(28.379.315.663)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		26.546.515.692	5.369.804.863
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.953.554.593	893.698.102
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.500.070.285	6.263.502.965

Người lập biểu

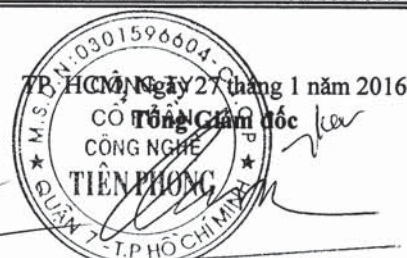


Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung



Lâm Thiệu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
 - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học
4. **Nhân viên**
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty có 100 nhân viên đang làm việc
5. **Cấu Trúc Công ty**

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông, cho thuê trạm BTS	48%	48%	51,01%
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Mua bán các thiết bị điện tử.	69,14%	69,14%	69,14%
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Mua bán các thiết bị điện tử.	99,92%	99,92%	99,92%
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng;	71,02%	71,02%	71,02%
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh	Mua bán camera quan sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; thiết bị điện, điện tử.	98,80%	98,80%	98,80%

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu ít hơn 50% nhưng Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của Công ty cổ phần đầu tư Tánh Linh với tỷ lệ 3,01% vốn cổ phần thực góp trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu là 51,01%. Do vậy Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty cổ phần định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đã trả được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 44 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2-5 năm

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

2.N.03
C
C
C
C
TIỀ
7

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Công ty.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 1% đến 4,5 % trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đối tượng	31/12/2015	01/04/2015
Tiền mặt	118.266.168	80.235.582
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	31.381.804.117	3.127.669.011
Tiền đang chuyển	0	1.745.650.000
Cộng	31.500.070.285	4.953.554.593

(*) Trong đó tiền gửi không kỳ hạn có giá trị 2.075.275.000 VND tại ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Việt Nam - CN HCM được phong tỏa để bảo lãnh dự thầu.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng. Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Đối tượng	31/12/2015	01/04/2015
Gửi tiết kiệm tại BIDV HCM	224.000.000	224.000.000
Cộng	224.000.000	224.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty cổ phần định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 04/2013/QĐ- MTTPS ngày 21 tháng 10 năm 2013 về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 144301/15 ngày 22 tháng 5 năm 2015 về việc giải thể Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	44.134.000.000
Xử lý dự phòng	(1.800.000.000)
Số cuối kỳ	42.334.000.000

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

Đối tượng	Số cuối kỳ			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá Gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con	113.142.912.275	(37.024.000.000)	76.118.912.275	109.194.885.386	(37.024.000.000)	72.170.885.386	
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (1)	26.634.616.155	-	26.634.616.155	25.664.811.667	-	25.664.811.667	
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến (2)	9.266.284.800	-	9.266.284.800	7.254.960.000	-	7.254.960.000	
Công ty cơ phân tử học Siêu Tinh (3)	9.817.036.601	-	9.817.036.601	8.193.880.000	-	8.193.880.000	
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh (4)	36.565.360.964	(34.484.000.000)	2.081.360.964	37.221.619.964	(34.484.000.000)	2.737.619.964	
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông (5)	10.859.613.755	(2.540.000.000)	8.319.613.755	10.859.613.755	(2.540.000.000)	8.319.613.755	
Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong (6)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-	
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị k	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	4.800.000.000	(4.800.000.000)	-	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Thạch Anh	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	
Công ty Cổ Phần Thái Sơn Tiên Phong	-	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)	-	
Cộng	118.452.912.275	(42.334.000.000)	76.118.912.275	116.304.885.386	(44.134.000.000)	72.170.885.386	

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

(1) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 135.600 cổ phiếu tương đương 2.549.900.000 VND và bán 262.800 cổ phiếu tương đương 1.580.095.512 VND của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.141.349 cổ phiếu, tương đương 48% vốn điều lệ của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (số đầu năm là 4.268.549 cổ phiếu, tương đương 48% vốn điều lệ).

Ngoài ra, Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của Công ty cổ phần đầu tư Tánh Linh với tỷ lệ 3,01% vốn thực góp (số đầu năm Công ty được các cá nhân ủy quyền với tỷ lệ là 5,38% vốn thực góp).

(2) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 176.432 cổ phiếu tương đương 2.011.324.800 VND (giá mua trừ cổ tức nhận được) của Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 901.928 cổ phiếu, tương đương 71,02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến (số đầu năm là 725.496 cổ phiếu, tương đương 57,13% vốn điều lệ).

(3) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 159.133 cổ phiếu tương đương 1.623.156.601 VND (giá mua trừ cổ tức nhận được) của Công ty cổ phần tin học Siêu Tính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 978.521 cổ phiếu, tương đương 98,8% vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tin học Siêu Tính (số đầu năm là 819.388 cổ phiếu, tương đương 82,74% vốn điều lệ).

(4) Trong kỳ Công ty điều chỉnh giảm giá trị đầu tư tương ứng với số cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư là 656.259.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.871.358 cổ phiếu, tương đương 69,14% vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh (số đầu năm là 4.871.358 cổ phiếu, tương đương 69,14% vốn điều lệ).

(5) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.288.997 cổ phiếu, tương đương 99,92% vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông (số đầu năm là 1.288.997 cổ phiếu, tương đương 99,92% vốn điều lệ).

(6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 305815769 ngày 20 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong 20.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(7) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần định vị Tiên Phong này lần lượt là 64,92% và 25% (tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết số đầu năm lần lượt là 64,92% và 25%).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/04/2015
Phải thu các bên liên quan	1.617.331.349	2.229.646.358
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	469 135 352	650.488.190
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	695 002 164	439.892.838
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	211 161 685	211.161.685
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	148 667 044	568.862.918
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	63 214 711	79.217.271
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	30 150 393	114.613.752
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh		38.033.544
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông		32.588.579
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong		94.787.581
Phải thu các khách hàng khác	110.355.182.197	59.288.102.506
Tổng Công Ty Phát triển Hạ Tầng & Đầu Tư Tài Chính Việt Nam	72.058.451.134	
Tổng cục hải quan		9.688.406.160
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	6.952.142.000	6.952.142.000
Công ty cổ phần Tasco		23.299.654.524
Công ty cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai	11.050.000.000	-
Liên doanh Taisei - Vinaconex	4.921.863.177	8.106.734.155
Trung Tâm Quản Lý Đường Hàm Sông Sài Gòn	5.928.172.740	

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

CN Công ty TNHH Trùng Phương tại Quận Hải Châu	2.921.897.020	
Các khách hàng khác	6.522.656.126	11.241.165.667
Cộng	111.972.513.546	61.517.748.864

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2015	01/04/2015
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	22.618.235.789	12.497.816.008
Mitsubishi Heavy Industries, Ltd.	5.876.202.800	8.250.703.440
Công ty cổ phần tư vấn quản trị công nghệ quốc tế	9.515.319.200	-
Công ty Cổ phần Zodiac Cơ Điện	2.281.317.400	-
Nhà cung cấp khác	4.945.396.389	4.247.112.568
Cộng	22.618.235.789	12.497.816.008

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2015	01/04/2015
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Định Vị Tiên Phong (1)	300.000.000	300.000.000
Công ty CP Thiết bị Điện Thạch Anh (2)	4.704.104.587	4.704.104.587
Công ty CP Thái Sơn Tiên Phong	-	500.000.000
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiên	2.705.784.000	
Cộng	7.709.888.587	5.504.104.587

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã lập dự phòng toàn bộ các khoản cho vay (1)+(2) và tạm ngừng tính lãi vay.

6. Hàng tồn kho	31/12/2015		01/04/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	68.794.174.972	-	9.799.918.975	-
Hàng hóa	19.508.138.211	644.392.410	3.632.753.356	644.392.410
Cộng	88.302.313.183	644.392.410	13.432.672.331	644.392.410

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 1.260.497.190 VND (số đầu năm là 1.260.497.190 VND).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn	31/12/2015	01/04/2015
<i>7a. Chi phí trả trước ngắn hạn</i>		
Công cụ, dụng cụ	86.085.610	29.916.828
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng		180.711.318
Chi phí khác	57.605.202	10.411.275
Cộng	143.690.812	221.039.421
<i>7b. Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	719.337.473	737.271.095
Chi phí sửa chữa	617.689.736	1.101.588.120
Công cụ, dụng cụ	488.866.447	150.425.866
Cộng	1.825.893.656	1.989.285.081

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

8. Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2015		01/04/2015	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	39.347.053.321	34.467.230.390	46.310.174.220	34.861.765.390
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - cổ tức		-	2.176.488.000	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - khác	73.080.619	-	153.568.105	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - cổ tức	2.070.674.500	-	4.268.549.000	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	160.945.909	-	198.968.325	-
Công ty TNHH liên doanh Global sitem - khác	20.881.296	-	-	-
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong - cổ tức	-	-	740.000.000	-
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong - cho mượn	9.940.500.000	9.940.500.000	9.940.500.000	9.940.500.000
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong - cho mượn, lãi vay	391.951.500	389.951.500	389.951.500	389.951.500
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh - Lãi vay	636.778.958	636.778.958	636.778.958	636.778.958
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh - cho mượn	19.999.999.932	19.999.999.932	19.999.999.932	19.999.999.932
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cổ tức	2.435.679.000	-	1.779.420.000	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cho mượn	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Khác	-	-	-	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Cổ tức	-	-	2.048.470.000	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Khác	116.561.607	-	82.945.400	-
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong - Lãi	-	-	394.535.000	394.535.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.892.315.064	-	1.564.876.791	-
Ký cược, ký quỹ	1.465.393.951	-	1.153.996.092	-
Phải thu bảo hiểm xã hội		-	5.136.025	-
Tạm ứng	1.100.425.000	-	187.162.210	-
Phải thu khác	326.496.113	-	218.582.464	-
Cộng	42.239.368.385	34.467.230.390	47.875.051.011	34.861.765.390

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

9. Tài sản cố định hữu hình

Đối tượng	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá						
Số đầu năm	44.587.188.572	17.382.379.854	810.057.946	842.424.364		63.622.050.736
Mua mới	-	-	916.796.364	87.372.727		1.004.169.091
Thanh lý TSCĐ	-	-	-	(198.603.287)		(198.603.287)
Số cuối năm	44.587.188.572	17.382.379.854	1.726.854.310	731.193.804		64.427.616.540
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	5.449.545.288	7.282.502.476	20.492.538	777.912.587		13.530.452.889
Khấu hao trong năm	1.114.679.718	1.513.618.803	190.390.226	53.591.078		2.872.279.825
Giảm khấu hao do thanh lý	-	-	-	(198.603.287)		(198.603.287)
Số cuối năm	6.564.225.006	8.796.121.279	210.882.764	632.900.378		16.204.129.427
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	39.137.643.284	10.099.877.378	789.565.408	64.511.777		50.091.597.847
Số cuối năm	38.022.963.566	8.586.258.575	1.515.971.546	98.293.426		48.223.487.113

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

10. Tài sản cố định vô hình

Đối tượng	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	24.053.529.245	197.902.126	24.251.431.371
Số cuối kỳ	24.053.529.245	197.902.126	24.251.431.371
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	3.424.642.587	197.902.126	3.622.544.713
Khấu hao trong kỳ	575.749.377	-	575.749.377
Số cuối kỳ	4.000.391.964	197.902.126	4.198.294.090
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	20.628.886.658	-	20.628.886.658
Số cuối kỳ	20.053.137.281	-	20.053.137.281

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/04/2015
11a. Phải trả người bán ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan	20.517.424.860	17.336.717.956
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	15.911.671.373	16.931.933.288
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	207.663.900	36.012.350
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	245.734.067	108.108.404
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	10.113.064	20.009.214
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	10.380.656	11.861.300
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	4.131.861.800	228.793.400
Phải trả các nhà cung cấp khác	57.480.249.006	20.370.558.695
OPTITECH PTE LTD	5.312.210.673	12.872.305.912
LD Taisei -Vinaconex -TC gói thầu số 10A, DAXD nhà ga hành khách	2.403.704.091	
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT INC	17.255.231.395	
Công ty cổ phần Đầu Tư Hoàng Đạo	23.419.033.330	
Các nhà cung cấp khác	9.090.069.517	7.498.252.783
Cộng	77.997.673.866	37.707.276.651
11.b Nợ quá hạn chưa thanh toán	31/12/2015	01/04/2015
Nợ quá hạn của các bên liên quan	1.849.477.453	-
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	1.849.477.453	-
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác	83.578.151	-
Các nhà cung cấp khác	83.578.151	-
Cộng	1.933.055.604	-

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/04/2015
Trả trước của các khách hàng khác		
Liên danh Toshiba- Hitachi- Itochu	17.407.137.207	17.683.296.815
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ- An Giang	2.659.997.934	-
Công ty Cổ phần 715	2.000.000.000	-
Các khách hàng khác	2.257.286.600	3.293.341.473
Cộng	24.324.421.741	20.976.638.288

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	863.757.728	-	356.199.737	(896.698.979)	323.258.486	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.382.437.636	(6.382.437.636)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(31.861.171)	579.121.035	(579.121.035)	-	(31.861.171)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(554.439.768)	4.193.972.342	743.732.574,00	2.895.800.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.016.498	-	859.978.658	(727.279.189)	138.715.967	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	869.774.226	(586.300.939)	12.374.709.408	(7.838.804.265)	3.357.774.453	(31.861.171)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan
- Hàng hóa, dịch vụ

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Không chịu thuế
0%
10%

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

<i>Các loại thuế khác</i>		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
14. Phải trả người lao động		
Lương, thưởng phải trả nhân viên.		
15. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2015	01/04/2015
Chi phí thi công cho công trình	16.972.253.191	6.533.228.400
Chi phí lãi vay	630.690.001	118.379.278
Chi phí khác	-	141.500.000
Cộng	17.602.943.192	6.793.107.678
16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác		
16a. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2015	01/04/2015
Phải trả các bên liên quan	3.938.667.423	120.054.166
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	6.640.700	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Lãi vay	147.541.667	51.006.944
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	7.223.700	-
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong - Cho mượn	3.600.000.000	-
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Lãi vay	26.070.000	69.047.222
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - khác	33.625.350	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Phải trả dịch vụ tiện ích	117.566.006	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	7.475.174.422	3.642.298.696
Nguyễn Thị Thu Sương_ Tiền mượn	-	3.609.959
Phạm Thị Bích Thảo_ Tiền mượn	-	3.320.000.000
Phải trả khác	7.475.174.422	318.688.737
Cộng	11.413.841.845	3.762.352.862
16b. Phải trả dài hạn khác	31/12/2015	01/04/2015
Phải trả các bên liên quan	1.052.562.665	1.052.562.665
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	236.318.500	236.318.500
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	302.645.460	302.645.460
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	84.967.785	84.967.785
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	165.241.240	165.241.240
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	128.152.320	128.152.320
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	135.237.360	135.237.360
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.134.024.770	1.465.815.200
Nhận ký quỹ, ký cược	1.134.024.770	1.465.815.200
Cộng	2.186.587.435	2.518.377.865

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

<i>17a. Vay ngắn hạn</i>	31/12/2015		01/04/2015	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan (1)</i>	20.500.000.000	16.500.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	13.000.000.000	9.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	1.500.000.000	1.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	48.976.262.624	48.976.262.624	7.830.792.228	7.830.792.228
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	41.602.917.470	41.602.917.470	7.830.792.228	7.830.792.228
Vay Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM - CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2.193.146.649	2.193.146.649		
Vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Đồng Đa	5.180.198.505	5.180.198.505		
<i>Vay cá nhân khác</i>	6.500.000.000	6.500.000.000		
Cộng	75.976.262.624	71.976.262.624	13.830.792.228	13.830.792.228

(1) Khoản vay các công ty con để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8% đến 9,5%/ năm.

(2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp 1.000.000 cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (xem thuyết minh số V2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.830.792.228	52.959.076.153	(11.813.605.757)	48.976.262.624
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	6.000.000.000	23.000.000.000	(2.000.000.000)	27.000.000.000
Cộng	13.830.792.228	75.959.076.153	(13.813.605.757)	75.976.262.624

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

17b. Vay dài hạn

Khoản vay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để thanh toán xây dựng trụ sở và bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 02 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 725.496 cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến và 819.388 cổ phiếu Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh (xem thuyết minh số V2b). Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	5.687.500.000
Số tiền vay phát sinh	7.500.000.000
Số tiền vay đã trả	(1.025.000.000)
Số cuối kỳ	12.162.500.000

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	952.062.635
Tăng do trích lập trong kỳ	617.074.071
Số sử dụng trong kỳ	(127.719.060)
Số cuối kỳ	1.441.417.646

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	-	5.294.775.434	5.294.775.434
Dự phòng trợ cấp thôi việc	117.101.250	-	117.101.250
Cộng	117.101.250	5.294.775.434	5.411.876.684

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số đầu năm	2.035.536.679
Nhận từ các Công ty con	382.528.201
Trích lập trong kỳ	596.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(1.056.424.843)
Số cuối kỳ	1.957.640.037

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

20. Vốn chủ sở hữu

20.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đối tượng	<i>Đơn vị tính: VND</i>				Tổng cộng
	Vốn đầu cơ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	
Số dư đầu kỳ trước	127.711.950.000	(15.680.000)	418.774.747	19.710.096.112	147.825.140.859
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	3.501.854.677	3.501.854.677
Trích lập các quỹ	-	-	175.000.000	(965.000.000)	(790.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	127.711.950.000	(15.680.000)	593.774.747	22.246.950.789	150.536.995.536
Số dư đầu năm nay	127.711.950.000	(15.680.000)	593.774.747	22.246.950.789	150.536.995.536
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức	19.153.010.000	-	-	(19.153.010.000)	-
Phát hành cổ phiếu thu tiền	6.384.800.000	-	-	-	6.384.800.000
Chuyển quỹ đầu tư phát triển	-	-	(593.774.747)	593.774.747	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	17.125.401.610	17.125.401.610
Trích lập các quỹ	-	-	-	(596.000.000)	(596.000.000)
Số dư, ngày 31/12/2015	153.249.760.000	(15.680.000)	-	20.217.117.146	173.451.197.146

Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu thưởng), nguồn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu số 53/TGD/2015 ngày 18 tháng 9 năm 2015. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 19.153.010.000 VND. Ngoài ra, Công ty phát hành 638.480 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, theo danh sách Đại hội cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn với giá bán 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngày 02 tháng 11 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 25 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 153.249.760.000 VND.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

	31/12/2015	01/04/2015
20 b. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.324.976	12.771.195
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.324.976	12.771.195
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.324.976	12.771.195
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.568	1.568
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.568	1.568
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.323.408	12.769.627
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.323.408	12.769.627
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20 c. Phân phối lợi nhuận

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu thưởng).

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2015	01/04/2015
21a. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	2.136,16	7.236,98
Euro (EUR)	63,37	14,57

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu và đầu tư góp vốn Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong đã được xóa sổ do công ty này đã giải thể, cụ thể như sau:

	31/12/2015	01/04/2015
Phải thu tiền bán hàng	94.787.581	-
Tiền cho vay	500.000.000	-
Lãi cho vay	394.535.000	-
Đầu tư góp vốn	1.800.000.000	-
Cộng	2.789.322.581	-

21c. Phân phối lợi nhuận

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu thưởng).

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2015 đến 31/12/2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đối tượng	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014
1a. Tổng doanh thu	126.136.291.429,00	24.240.412.908	192.238.460.059	39.017.130.060
- Doanh thu bán hàng hóa	114.201.253.345	20.787.133.776	171.658.535.925	26.543.057.046
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.935.038.084	3.453.279.132	20.579.924.134	12.474.073.014
Doanh thu thuần	126.136.291.429	24.240.412.908	192.238.460.059	39.017.130.060

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH liên doanh Global Sitem với số tiền là 595.644.525 VND (cùng kỳ năm trước là 463.088.062 VND).

2. Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	77.548.854.180	14.644.629.332	117.628.668.466	5.190.280.011
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.620.820.719	5.219.210.650	33.913.024.363	7.900.044.013
Cộng	103.169.674.899	19.863.839.982	151.541.692.829	13.090.324.024

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	(2.671.200)	6.577.813	3.396.711	6.577.813
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.780.422		107.071.148	4.864.144
Lãi tiền cho vay			1.783.871	95.315.338
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-		1.943.474.500	6.168.281.800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	197.327.657	2.932.322	219.877.178	2.932.322
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	-	3.164.984.488	238.848.000
Cộng	209.436.879	9.510.135	5.440.587.896	6.516.819.417

4. Chi phí hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014
Chi phí lãi vay	1.425.533.509	471.606.828	3.017.003.830	2.334.774.998
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	102.828.160	12.101.326	712.870.993	13.326.326
Các khoản chi phí khác	-	-	10.942.470	-
Cộng	1.528.361.669	483.708.154	3.740.817.293	2.348.101.324

5. Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014
Chi phí cho nhân viên	4.938.292.079	646.764.923	11.942.581.367	646.764.923
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.283.012	23.193.764	233.399.479	23.193.764
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.125.001	-	18.375.003	-
Chi phí bảo hành	-	-	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	567.852.586	88.153.361	1.637.180.671	189.224.376
Chi phí khác	93.593.722	8.818.544	339.752.566	10.379.611
Cộng	5.704.146.400	766.930.592	14.171.289.086	869.562.674

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014
Chi phí cho nhân viên	1.782.929.234	1.309.687.770	5.128.000.098	3.641.290.983
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.320.891	37.358.967	93.572.605	91.028.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.974.992	48.240.753	195.711.898	167.771.231
Hoàn nhập phải thu khó đòi	-	-	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	706.107.526	2.121.286.125	1.277.267.100	4.085.235.581
Chi phí khác	101.988.148	13.919.000	238.910.723	62.785.794
Cộng	2.700.320.791	3.530.492.615	6.933.462.424	8.048.112.440

7. Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, CCDC	-	254.545.455	5.272.727	260.024.544
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	43.791.076
Thu khác	20.005	10.273.047	40.451.406	158.770.663
Cộng	20.005	264.818.502	45.724.133	462.586.283

8. Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	190.587.913	-	211.697.002
Chi phí khác	18.128.475	1.892.610	18.136.504	1.892.714
Cộng	18.128.475	192.480.523	18.136.504	213.589.716

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014
Chi phí hàng hóa xuất bán	109.216.259.526	4.199.358.463	162.708.129.720	4.480.106.581
Chi phí nhân công	7.514.945.437	2.038.140.693	18.256.070.589	4.369.743.906
Thiết bị văn phòng và VPP		60.552.731	-	114.222.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.160.607.045	55.473.504	3.448.029.202	189.469.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.133.190.711	19.232.812.778	46.649.203.633	27.667.089.282
Chi phí khác	195.581.870	22.737.544	578.663.289	371.825.130
Cộng	147.220.584.589	25.609.075.713	231.640.096.433	37.192.456.998

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 1/04/2015 đến 31/12/2015 là 2.005.670.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.324.872.273 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Công ty con		
Mua hàng	2.763.885.930	201.603.528
Cho thuê kho, thuê văn phòng	1.321.484.939	1.569.169.220
Phí nhượng quyền	913.209.000	881.747.000
Lãi đi vay	1.290.260.416	18.899.199
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	285.608.000	-
Đi vay	13.500.000.000	8.550.000.000
Nhận cổ tức	1.943.474.500	4.405.749.000
Phải thu chi phí chia sẻ	137.330.479	-
Phải trả chi phí chia sẻ	9.453.000	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	656.040.544	994.902.680
Nhận cổ tức	397.832.500	819.388.000
Phí nhượng quyền	431.765.202	599.648.352
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	25.391.184	-
Phải thu chi phí chia sẻ	240.451.590	-
Phải trả chi phí chia sẻ	106.878.187	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	330.604.960	23.889.800
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến		
Phí nhượng quyền	564.106.718	450.269.307
Nhận cổ tức	529.296.000	943.144.800
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	71.529.017	-
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	1.180.630.003	1.159.308.303
Mua hàng hoá	329.133.328	17.994.680
Phải thu chi phí chia sẻ	26.937.741	-
Phải trả chi phí chia sẻ	9.944.500	-
Cho vay	2.705.784.000	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh		
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	263.617.114	395.866.208
Lãi cho vay	-	95.315.338
Nhận cổ tức	656.259.000	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	125.114.236	45.870.510
Cho vay	-	1.000.000.000
Lãi đi vay	127.854.165	-
Phải thu chi phí chia sẻ	54.721.193	-

Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông

Bán hàng hoá và dịch vụ	94.750.000	374.363.107
Phải thu chi phí chia sẻ	16.916.335	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	18.507.182.036	14.053.600
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	136.021.189	
Lãi đi vay	459.780.001	51.778.800
Đi vay	10.500.000.000	-

Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong

Bán hàng hóa dịch vụ	80.000.000	1.216.660.520
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	249.790.996	
Phí nhượng quyền	-	66.954.797
Mua hàng hoá và dịch vụ	5.212.200.000	17.422.195.594
Mượn tiền	3.720.000.000	-

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp

Công ty đã dùng 1.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty còn dùng 725.496 cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến và 819.388 cổ phiếu của Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2015 đến 31/12/2015

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Viễn thông - tin học	9.236.198.035	7.953.302.768	1.282.895.267
Hạ tầng - Giao thông	166.159.737.703	131.390.556.854	34.769.180.849
Điện - Điện Công Nghiệp	8.239.568.179	6.654.486.962	1.585.081.217
Lĩnh vực khác	8.602.956.142	5.543.346.245	3.059.609.897
Tổng cộng	192.238.460.059	151.541.692.829	40.696.767.230

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Chỉ tiêu	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Chênh lệch	So sánh
Tổng doanh thu	126.136.291.429	24.240.412.908	101.895.878.521	420%
Lợi nhuận gộp	22.966.616.530	4.376.572.926	18.590.043.604	425%
Doanh thu tài chính	209.436.879	9.510.135	199.926.744	2102%
Chi phí tài chính	1.528.361.669	483.708.154	1.044.653.515	216%
Tổng lợi nhuận sau thuế	10.329.316.079	(322.710.321)	10.652.026.400	3301%

Do sự nỗ lực của ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án chủ yếu là dự án trạm thu phí Cao Tốc Hà Nội Hải Phòng và một số dự án khác làm cho tổng doanh thu tăng 420% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lãi gộp tăng 425%.

Do cần nguồn vốn để phục vụ kinh doanh nên chi phí lãi vay cũng tăng 216%. Đồng thời do biến động của tỷ giá của các khoản trả trước cho nhà cung cấp nên doanh thu tài chính tăng 2.102%. Chính vì nguyên nhân chủ yếu trên mà dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế kỳ này tăng 3.301% so với cùng kỳ năm trước.

4. Số liệu so sánh

4a. Áp dụng quy định kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định kế toán mới

Việc áp dụng quy định kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính.

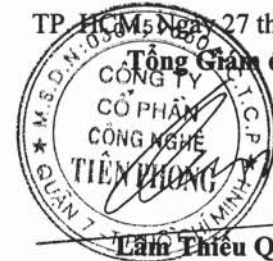
Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 27 tháng 1 năm 2016



Lâm Thiệu Quân